

Phụ lục II

DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN NỘP TỪ CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA (Kèm theo Công văn số /VPCP-KSTT ngày tháng năm 2025 của Văn phòng Chính phủ)

Kết quả tính từ ngày 01 tháng 8 đến ngày 31 tháng 8 năm 2025, cụ thể như sau:

STT	Tên Bộ, ngành, địa phương	Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết	Tổng số hồ sơ xử lý đúng hạn	Tổng số hồ sơ chậm được tiếp nhận ¹	Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn đang xử lý (đối với hồ sơ tiếp nhận trong tháng 8/2025)
I.	Bộ, ngành				
1.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0	0	0	0
2.	Bộ Nội vụ	219	215 ²	0	4
3.	Bộ Ngoại giao	0	0	0	0
4.	Bộ Công Thương	779	775	0	11
5.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	583	517	0	0
6.	Bộ Y tế	125	4	0	12
7.	Bộ Quốc phòng	191	188	5	0

¹ Điều 17, Điều 18 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Nếu quá 01 ngày làm việc mà hồ sơ trực tuyến không được tiếp nhận thì được tính là chậm được tiếp nhận theo quy định.

² Trên dữ liệu Cổng DVCQG là 220 hồ sơ đúng hạn (trong đó có 215 hồ sơ trong tháng 8/2025 và 05 hồ sơ từ tháng 7/2025 chuyển sang).

8.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	101	71	21	14
9.	Bộ Xây dựng	477	208	0	26
10.	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	1.525	50	0	722
11.	Bộ Khoa học và Công nghệ	3.538	3.092	2	175
12.	Bộ Tư pháp	3.098	3.060	0	0
13.	Bộ Công an	28.579	19.257	820	3.312
14.	Bộ Tài chính	10	3	2	4
Tổng (Bộ, ngành)		39.225	27.445	850	4.280
II	Địa phương				
1	UBND Thành phố Cần Thơ	63.192	56.768	1.667	782
2	UBND Thành phố Đà Nẵng	91.193	72.905	2.012	6.275
3	UBND Thành phố Hà Nội	137.543	105.041	18.256	10.402
4	UBND Thành phố Hải Phòng	123.945	105.107	2.188	5.905
5	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	300.289	255.786	26.863	8.284
6	UBND Thành phố Huế	26.633	22.558	321	1.347
7	UBND tỉnh An Giang	73.928	69.007	1.009	1.163
8	UBND tỉnh Bắc Ninh	123.376	118.005	15.152	1.122
9	UBND tỉnh Cà Mau	67.897	67.045	416	573
10	UBND tỉnh Cao Bằng	10.994	10.929	30	104
11	UBND tỉnh Đắk Lắk	83.314	77.950	987	1.667
12	UBND tỉnh Điện Biên	10.775	10.625	58	36
13	UBND tỉnh Đồng Nai	134.380	118.073	2.547	887

14	UBND tỉnh Đồng Tháp	75.422	74.925 ³	447	497
15	UBND tỉnh Gia Lai	89.009	85.621	871	807
16	UBND tỉnh Hà Tĩnh	45.898	37.949	254	2.429
17	UBND tỉnh Hưng Yên	73.970	73.426 ⁴	1.074	544
18	UBND tỉnh Khánh Hòa	50.249	42.711	1.369	1.453
19	UBND tỉnh Lai Châu	14.866	14.439	46	360
20	UBND tỉnh Lâm Đồng	110.734	100.996	1.382	2.992
21	UBND tỉnh Lạng Sơn	15.654	13.239	2	575
22	UBND tỉnh Lào Cai	56.882	55.127	330	1.560
23	UBND tỉnh Nghệ An	111.941	106.716	1.428	1.061
24	UBND tỉnh Ninh Bình	85.253	82.029	1.220	1.692
25	UBND tỉnh Phú Thọ	107.136	102.254	786	924
26	UBND tỉnh Quảng Ngãi	43.007	40.042	188	360
27	UBND tỉnh Quảng Ninh	57.095	50.554	870	1.631
28	UBND tỉnh Quảng Trị	30.735	28.966	1	92
29	UBND tỉnh Sơn La	16.929	16.745	75	58
30	UBND tỉnh Tây Ninh	99.588	82.478	2.072	2.534
31	UBND tỉnh Thái Nguyên	43.596	40.172	1.608	1.253
32	UBND tỉnh Thanh Hóa	134.217	123.569	159	4.371
33	UBND tỉnh Tuyên Quang	54.882	53.560	1	273

³ Trên dữ liệu Cổng DVCQG là 77.399 hồ sơ đúng hạn, trong đó có 74.925 hồ sơ trong tháng 8/2025 và 497 hồ sơ từ tháng 7/2025 chuyển sang.

⁴ Trên dữ liệu Cổng DVCQG là 75.215 hồ sơ đúng hạn, trong đó có 73.426 hồ sơ trong tháng 8/2025 và 544 hồ sơ từ tháng 7/2025 chuyển sang.

34	UBND tỉnh Vĩnh Long	62.976	62.607	1.125	504
Tổng (Địa phương)		2.627.498	2.382.187	86.814	64.517
Tổng số		2.666.723	2.409.632	87.664	68.797

(Xin vui lòng truy cập trong quản trị của Cổng DVCQG <http://quantri.dichvucong.gov.vn> để được hỗ trợ xuất danh sách chi tiết hồ sơ chậm được tiếp nhận và quá hạn đang xử lý).